

ĐẠI HỌC DUY TÂN
TRUNG TÂM TIN HỌC

BẢNG ĐIỂM HỌC VIÊN DỰ THI ĐỢT ĐỢT 1 THÁNG 11/2025
CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CHUẨN CƠ BẢN

Thời gian: 17h45 * Ngày thi: 03/11/2025

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
							KTC	THUD	KẾT QUẢ	
1	27202241869	Võ Thị Kiều	Anh	26/05/2003	Nghệ An	31CHT7	8.0	6.5	Đạt	
2	28212201361	Đặng Quốc	Bảo	25/10/2004	Nghệ An	31CHT7	6.3	9.0	Đạt	
3	28216553131	Trương Xuân	Bin	31/03/2004	Hòa Bình	31CHT7	5.7	6.0	Đạt	
4	28214637683	Ông Văn	Cường	10/02/2004	Đà Nẵng	31CHT7	6.0	9.3	Đạt	
5	28212353890	Triệu Viết	Đạt	26/09/2004	Gia Lai	31CHT7	3.3	6.5	Không Đạt	
6	28214639639	Văn Thị Thúy	Diễm	15/08/2004	Đà Nẵng	31CHT7	8.0	8.3	Đạt	
7	28212200950	Nguyễn Văn	Đức	15/03/2004	Quảng Nam	31CHT7	6.3	6.3	Đạt	
8	28212301345	Phạm Trung	Đức	22/12/2004	Gia Lai	31CHT7	10.0	9.0	Đạt	
9	28208149389	Nguyễn Thùy	Dung	22/04/2004	Đà Nẵng	31CHT7	5.7	6.3	Đạt	
10	28204648077	Phan Thị Ngọc	Hải	02/04/2004	Thừa Thiên H	31CHT7	9.0	7.5	Đạt	
11	28206501064	Nguyễn Thị Thúy	Kiều	26/02/2004	Quảng Ngãi	31CHT7	8.7	7.0	Đạt	
12	28208040213	Hoàng Kim	Ngân	14/09/2004	Quảng Nam	31CHT7	5.7	5.0	Đạt	
13	28208029156	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	17/04/2004	Đà Nẵng	31CHT7	7.3	8.3	Đạt	
14	28204302856	Lê Hoàng Minh	Nguyệt	29/06/2004	Đà Nẵng	31CHT7	8.0	7.3	Đạt	
15	28206551718	Trần Thị Kim	Phượng	19/11/2004	Quảng Ngãi	31CHT7	9.3	5.3	Đạt	
16	28208101910	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	05/03/2003	Gia Lai	31CHT7	7.0	5.3	Đạt	
17	29206725012	Nguyễn Duy Như	Quỳnh	17/02/2005	Quảng Trị	31CHT7	8.3	8.0	Đạt	
18	29209548300	Trần Nguyễn Thúy	Tiên	21/12/2005	Thừa Thiên H	31CHT7	7.3	6.8	Đạt	
19	28206201369	Lê Thị Thảo	Trân	11/11/2004	Bình Định	31CHT7	6.7	5.0	Đạt	
20	28208024752	Văn Thị Thục	Trình	29/06/2004	Đà Nẵng	31CHT7	8.0	7.0	Đạt	
21	28206746067	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	08/03/2004	Quảng Nam	31CHT7	9.3	6.3	Đạt	
22	28206503671	Nguyễn Thị Mỹ	Ty	24/07/2004	Quảng Ngãi	31CHT7	9.0	6.5	Đạt	
23	27203837388	Trần Lê	Uyên	28/09/2003	Quảng Nam	31CHT7	9.3	8.3	Đạt	
24	28216501401	Bùi Văn	Vũ	30/10/2004	Quảng Nam	31CHT7	9.3	6.3	Đạt	
25	29204645546	Nguyễn Thị Mỹ	Yến	04/07/2005	Quảng Trị	31CHT7	8.3	6.8	Đạt	
26	28208004094	Lê Thị Kim	Chi	13/07/2004	Quảng Trị	31SHT7	8.0	7.0	Đạt	
27	28214536712	Bùi Thành	Công	22/06/2004	Long An	31SHT7	4.7	6.8	Không Đạt	
28	28214606801	Tạ Minh	Hải	29/04/2004	Thái Bình	31SHT7	6.3	6.3	Đạt	
29	28204551452	Trương Thị Mỹ	Hạnh	09/01/2004	Thừa Thiên H	31SHT7	8.7	10.0	Đạt	
30	28204549267	Võ Thị Hồng	Hậu	25/04/2004	Quảng Nam	31SHT7	9.3	8.5	Đạt	
31	28209306287	Nguyễn Thị Mỹ	Hiền	03/01/2004	Phú Yên	31SHT7	9.7	7.8	Đạt	
32	28204551902	Nguyễn Thị Thu	Hoài	28/03/2004	Gia Lai	31SHT7	9.7	10.0	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
						KTC	THUD	KẾT QUẢ	
33	28214550435	Trần Nhật Huy	16/07/2004	Quảng Bình	31SHT7	7.3	6.5	Đạt	
34	28212253613	Trịnh Kiêm	08/05/2004	Thừa Thiên H	31SHT7	8.7	8.0	Đạt	
35	28214528492	Lê Đức Bảo Lâm	18/03/2004	Hà Nội	31SHT7	6.3	3.8	Không Đạt	
36	28214502604	Phan Thái Mạnh	08/08/2005	Nghệ An	31SHT7	3.3	3.8	Không Đạt	
37	28202700209	Phan Trần Huyền My	01/02/2003	Đắk Lắk	31SHT7	V	V	Không Đạt	
38	28216251206	Võ Trung Nguyên	06/07/2004	Ninh Thuận	31SHT7	6.0	5.3	Đạt	
39	28204501023	Trương Thị Quỳnh Nhi	20/10/2004	Kon Tum	31SHT7	7.3	7.3	Đạt	
40	28204505623	Phạm Lê Quỳnh Như	14/02/2004	Đà Nẵng	31SHT7	8.3	7.3	Đạt	
41	28206605426	Đỗ Nguyễn Đan Phượng	27/09/2004	Đà Nẵng	31SHT7	7.7	6.8	Đạt	
42	28206631910	Trần Thị Tố Quyên	07/10/2004	Đà Nẵng	31SHT7	9.0	6.3	Đạt	
43	28216806037	Trần Xuân Quyền	24/12/2003	Đắk Lắk	31SHT7	9.7	7.0	Đạt	
44	28204600357	Phạm Thị Thúy Tâm	03/06/2004	Đắk Lắk	31SHT7	9.0	8.3	Đạt	
45	28214648008	Nguyễn Thân	05/09/2004	Thừa Thiên H	31SHT7	6.7	7.0	Đạt	
46	26202218413	Nguyễn Thu Thảo	20/07/2002	Quảng Ngãi	31SHT7	10.0	8.3	Đạt	
47	27202120563	Nguyễn Hương Trà	22/08/2003	Quảng Ngãi	31SHT7	6.7	5.8	Đạt	
48	27204702109	Trần Thị Trang	02/05/2003	Nghệ An	31SHT7	9.0	7.5	Đạt	
49	28204553604	Nguyễn Thị Thùy Trang	15/08/2004	Quảng Nam	31SHT7	9.0	8.3	Đạt	
50	28206653681	Nguyễn Cao Minh Trang	17/07/2004	Đà Nẵng	31SHT7	7.3	5.3	Đạt	
51	28204551730	Lê Thị Mỹ Trinh	10/10/2004	Thừa Thiên H	31SHT7	7.3	9.3	Đạt	
52	28216500732	Nguyễn Kiều Thúy Vi	01/01/2004	Bình Định	31SHT7	5.0	7.3	Đạt	
53	28212303978	Phạm Văn Thành Đạt	22/07/2004	Khánh Hòa	31THT12	8.0	9.0	Đạt	
54	28206504400	Nguyễn Thị Thùy Dương	25/03/2003	Quảng Nam	31THT12	7.0	6.3	Đạt	
55	28206506855	Trương Thị Mỹ Hà	04/07/2004	Đắk Lắk	31THT12	6.7	5.8	Đạt	
56	28214600618	Mai Ngọc Hải	15/10/2004	Quảng Trị	31THT12	5.3	6.5	Đạt	
57	28213102908	Hà Xuân Huy	21/03/2004	Quảng Bình	31THT12	9.0	6.0	Đạt	
58	28219604274	Nguyễn Bảo Khang	21/03/2004	Quảng Ngãi	31THT12	9.3	4.0	Không Đạt	
59	28204642344	Hồ Thị Hoa Lan	01/09/2004	Nghệ An	31THT12	7.3	9.8	Đạt	
60	28204349843	Nguyễn Thị Thùy Linh	25/04/2003	Quảng Nam	31THT12	7.7	3.8	Không Đạt	
61	28213152948	Phan Công Linh	13/09/2004	Đà Nẵng	31THT12	6.7	5.5	Đạt	
62	28212303547	Nguyễn Văn Lĩnh	23/07/2004	Gia Lai	31THT12	9.0	5.9	Đạt	
63	28213104088	Nguyễn Thành Long	16/01/2004	Quảng Trị	31THT12	9.7	5.8	Đạt	
64	28213103385	Nguyễn Duy Luân	29/02/2004	Phú Yên	31THT12	8.3	5.8	Đạt	
65	29206223278	Lê Ngọc Thảo My	30/10/2005	Gia Lai	31THT12	8.7	7.5	Đạt	
66	28213100669	Đoàn Mạnh Thanh Nam	01/06/2004	Đà Nẵng	31THT12	9.3	9.3	Đạt	
67	28204653281	Lưu Thị Kim Ngân	18/05/2004	Đà Nẵng	31THT12	9.0	9.5	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
							KTC	THUD	KẾT QUẢ	
68	28212301061	Hoàng Duy	Ngọc	07/12/2004	Đắk Lắk	31THT12	7.7	7.3	Đạt	
69	28214329736	Trần Viết	Nhân	03/03/2004	Đà Nẵng	31THT12	10.0	7.5	Đạt	
70	28206506025	Lê Thị Cẩm	Nhi	25/05/2004	Gia Lai	31THT12	9.0	7.4	Đạt	
71	28206551984	Trần Thị Quỳnh	Như	20/03/2004	Đà Nẵng	31THT12	9.0	5.8	Đạt	
72	29206559246	Trần Hồ Trung	Như	06/11/2005	Quảng Ngãi	31THT12	9.7	8.3	Đạt	
73	28207249030	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	20/03/2004	Quảng Ngãi	31THT12	9.0	5.5	Đạt	
74	28212602406	Nguyễn Văn	Son	03/11/2004	Đà Nẵng	31THT12	9.0	5.5	Đạt	
75	28212945269	Tô Đình	Son	10/08/2004	Lâm Đồng	31THT12	10.0	10.0	Đạt	
76	28212306628	Bùi Vạn Thiên	Tân	23/06/2004	Quảng Ngãi	31THT12	5.3	6.8	Đạt	
77	28213100853	Kiều Quang	Thương	15/05/2004	Quảng Ngãi	31THT12	9.0	8.5	Đạt	
78	29206500118	Trần Thị	Thủy	10/02/2005	Quảng Trị	31THT12	8.3	8.8	Đạt	
79	28206853386	Hồ Thị Chon	Tịnh	27/02/2004	Quảng Trị	31THT12	9.0	5.0	Đạt	
80	28204354851	Phan Trần Linh	Trang	07/04/2004	Quảng Trị	31THT12	9.3	8.0	Đạt	
81	28214651860	Võ Minh	Tuấn	04/04/2004	Quảng Trị	31THT12	6.7	9.5	Đạt	
82	28212336919	Nguyễn Thanh	Tùng	02/02/2004	Quảng Ngãi	31THT12	9.0	9.0	Đạt	
83	31265280010	Nguyễn Thị Phương	Uyên	28/04/1999	Quảng Ngãi	31THT12	9.3	5.3	Đạt	
84	27202103195	Hà Thúy	Vi	19/05/2003	Quảng Bình	31THT12	7.7	4.1	Không Đạt	
85	27202241855	Nguyễn Tổng Tường	Vy	28/11/2003	Quảng Nam	30CBN3	6.3	5.5	Đạt	
86	27202741574	Hoàng Lê Mỹ	Duyên	13/11/2003	Đà Nẵng	30CBN4	8.3	7.0	Đạt	
87	28208400888	Hoàng Thị	Huệ	10/01/2004	Đắk Nông	31CHT6	8.3	3.6	Không Đạt	
88	27202231345	Hoàng Thị Ngọc	Minh	04/06/2003	Quảng Bình	31CHT6	6.0	5.0	Đạt	
89	28206534971	Trần Thu	Hiền	28/06/2003	Quảng Trị	31CSC6	9.3	6.3	Đạt	
90	28208151714	Nguyễn Thị Thúy	Kiều	14/05/2004	Quảng Ngãi	31CSC6	7.3	5.0	Đạt	
91	28206551125	Nguyễn Thị Ngọc	My	05/02/2004	Quảng Ngãi	31CSC6	9.3	6.0	Đạt	
92	28208106106	Trần Thị Ý	Như	28/10/2004	Quảng Ngãi	31CSC6	7.0	5.0	Đạt	
93	29219324970	Nguyễn Khắc	Triệu	26/11/2005	Bình Dương	31CYC6	6.3	6.8	Đạt	
94	28218426714	Đỗ Lê	Danh	15/07/2004	Đà Nẵng	31SBN6	6.0	0.8	Không Đạt	
95	28211141086	Huỳnh Công	Thành	14/08/2004	Quảng Nam	31SBN6	7.0	6.1	Đạt	
96	30218045947	Trần Thị Út	Chi	11/06/2006	Đắk Lắk	31SHT6	7.3	6.9	Đạt	
97	28218136356	Đặng Tiến	Tuấn	06/12/2004	Đà Nẵng	31SHT6	5.0	5.0	Đạt	
98	28212347202	Phạm Văn	Hậu	08/08/2004	Đắk Nông	31SYC5	4.3	5.5	Không Đạt	
99	28212742360	Trương Trọng	Phú	27/02/2004	Gia Lai	31TBN10	6.0	3.3	Không Đạt	
100	28208141275	Bùi Lê Thảo	Phượng	05/05/2004	Quảng Nam	31TBN11	9.3	6.8	Đạt	
101	28218100393	Phạm Trung	Trí	02/01/2004	Quảng Ngãi	31TBN11	7.0	5.3	Đạt	
102	28208001901	Nguyễn Thị Phương	Thảo	27/02/2004	Quảng Nam	31TBN8	9.3	6.5	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ	
						KTC	THUD	KẾT QUẢ		
103	28212754726	Thân Vĩnh Hoàng	Lâm	06/03/2004	Quảng Nam	31THT11	V	5.0	Không Đạt	
104	28212703499	Nguyễn Thành	Lợi	28/09/2004	Bình Định	31THT11	V	5.0	Không Đạt	
105	28202738950	Dương Ngọc Bảo	Nhi	05/08/2004	Đà Nẵng	31THT11	6.7	5.5	Đạt	
106	28202702251	Trần Thị Hồng	Thúy	18/12/2003	Đắk Lắk	31THT11	9.0	5.8	Đạt	
107	27213738601	Nguyễn Mai Thành	Đạt	09/07/2003	Đà Nẵng	31TSC10	4.7	6.5	Không Đạt	
108	28214300890	Huỳnh Thị Kiều	Hoanh	15/11/2004	Quảng Ngãi	31TSC10	7.7	5.0	Đạt	
109	27212253748	Trương Mai	Oanh	22/10/2003	Quảng Trị	31TSC10	5.0	5.0	Đạt	
110	27211300541	Trần Đình	Hải	04/11/2003	Phú Yên	31TYC7	7.0	V	Không Đạt	

TRUNG TÂM TIN HỌC

(Đã ký)

Dương Trương Quốc Khánh